TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ- ST
Ngày 30-12-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Liên; Nghề nghiệp: Hưu trí
2. Bà Hứa Thị Thu; Nghề nghiệp: Cán bộ.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Hồng
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện V: Ông Nguyễn Hoàng Anh- Kiểm sát viên sơ cấp.

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022. về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị Th**,** Sinh năm: 1995; Địa chỉ: thôn K, xã T, huyện V, tỉnh H; Dân tộc: Tày; Trình độ văn hóa: 9/12 (chị Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ghi ngày 13/12/2022).

Bị đơn: Anh Đán Văn Tr**,** Sinh năm: 1992; Địa chỉ: thôn R, xã T, huyện V, tỉnh H; Dân tộc: Tày; Trình độ văn hóa: 12/12 (anh Tr đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ghi ngày 13/12/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/11/2022 và bản khai Chị Nông Thị Th trình bày: Chị và Anh Đán Văn Tr xây dựng gia đình có được tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 2010, chị Th và anh Tr không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 9 năm. Đến năm 2020 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn thời gian gần đây mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau rất nhiều lần. Hiện tại chị Th và anh Tr đã sống ly thân từ 10/2021 cho đến nay. Bản thân chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố duy trì

tình cảnh như vậy gây ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của cả hai anh chị và con cái nên chị Th đề nghị xin được ly hôn anh Tr.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đán Thị Hồng L, sinh ngày 27/10/2011. Khi ly hôn chị có nguyện vọng giao cháu L cho Anh Đán Văn Tr là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, Chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra chị Th còn trình bày do điều kiện chị thường xuyên đi làm ăn, vì vậy, chị không thể tham gia phiên tòa khi có giấy triệu tập của Tòa án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn Anh Đán Văn Tr khai tại văn bản trình bày ý kiến ngày 08/12/2022 như sau**:** Anh với Chị Nông Thị Th trước khi kết hôn có được tìm hiểu và anh chị có được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2010, nhưng anh và chị Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống của vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 9 năm. Trong thời gian chung sống đôi lúc có xảy ra cãi vã nhau. Lý do mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, dẫn đến cuộc sống của vợ chồng không hòa hợp cho nên có xảy ra cãi chửi nhau nhiều lần. Đến năm 2019 chị Th đi làm thuê, thời gian đi làm thuê chị Th vẫn đi lại gia đình, sau đó đến tháng 10/2021 chị Th đi làm thuê là không về nhà nữa. Nay anh Tr xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Th có đơn xin ly hôn với anh, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Tr xác nhận hai anh chị có 01 con chung là cháu Đán Thị Hồng L, sinh ngày 27/10/2011. Hiện nay cháu L đang ở với tôi. Khi ly hôn anh Tr có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi chảu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Tr yêu cầu chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/ tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ chồng không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra anh Tr còn trình bày do điều kiện anh thường xuyên đi làm ăn, cho nên anh không thể tham gia phiên tòa khi có giấy triệu tập của Tòa án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Nguyên đơn Chị Nông Thị Th và bị đơn Anh Đán Văn Tr có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử

công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn và các tài liệu kèm theo.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và Anh Tr đều xác nhận về chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn, nhất trí để Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Th và anh Tr thỏa thuận nhất trí giao cháu Đán Thị Hồng L cho anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng

Về tài sản và công nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 63, Điều 69, Điều 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại Tòa án quy định tại Điều 70,71,72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về Điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận giữa Chị Nông Thị Th và Anh Đán Văn Tr là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nông Thị Th và Anh Đán Văn Tr có một con chung là cháu Đán Thị Hồng L, sinh ngày 27/10/2011. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng giao cháu L cho anh Tr là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/ tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L cho anh Tr nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Th 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản riêng: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm**:** Chị Nông Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của Chị Nông Thị Th về việc xin ly hôn với Anh Đán Văn Tr được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nông Thị Th và Bị đơn Anh Đán Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX mở phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Th và Anh Đán Văn Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 9 năm đầu, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa được cấp có thẩm quyền giải quyết, sự mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng không có khả năng khắc phục được. Hiện nay chị Th và anh Tr đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố duy trì tình cảnh gia đình sẽ gây ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt, nên hai bên đã thỏa thuận việc ly hôn để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị Nông Thị Th và Anh Đán Văn Tr không tuân thủ theo quy định của pháp luật hôn nhân, không đăng ký kết hôn mặc dù anh, chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 và khoản 1, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX cần tuyên bố không công nhận Chị Nông Thị Th và Anh Đán Văn Tr là vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Tr và chị Th có một con chung là Cháu Đán Thị Hồng L, sinh ngày 27/10/2011. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng giao cháu L cho anh Tr là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/ tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. HĐXX thấy rằng ngoài nguyện vọng của chị Th giao con cho anh Tr nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thì cháu Đán Thị Hồng L cũng có nguyện vọng được ở với bố (anh Tr), bên cạnh đó anh Tr cũng hoàn toàn nhất trí việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L, do đó, giao cháu L cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi

là hoàn toàn phù hợp. Chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 tháng theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về Tài sản, công nợ chung, tài sản riêng: Chị Th và anh Tr không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện sát tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và của HĐXX được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 14 và Điều 53, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 7 Điều 26 và Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con của Chị Nông Thị Th với Anh Đán Văn Tr:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nông Thị Th và Anh Đán Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Đán Thị Hồng L, sinh ngày 27/10/2011 cho Anh Đán Văn Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01/01/2023; Anh Đán Văn Tr; Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh H là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nông Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công nợ chung, tài sản riêng: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nông Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 0002327, nộp ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H và chị Th phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nông Thị Th và Anh Đán Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *TAND tỉnh H;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân